

-아요/어요

thì hiện tại lịch sự

Đuôi câu bạn sẽ dùng nhiều hơn bất kỳ đuôi nào khác. Nguyên âm nào được dùng phụ thuộc vào nguyên âm cuối của gốc từ — và sau đó hai nguyên âm thường gộp lại thành một âm tiết.

Cách kết hợp

| Loại gốc từ                  | Dạng           | Ví dụ        |
|------------------------------|----------------|--------------|
| Nguyên âm cuối ㅏ hoặc ㅑ      | -아요            | 살다 → 살아요     |
| Nguyên âm giống nhau gộp lại | -아요 bị hòa vào | 가다 → 가요      |
| Nguyên âm khác               | -어요            | 먹다 → 먹어요     |
| Động từ 하다                   | 해요             | 공부하다 → 공부해요  |
| ㅏ + 아 gộp lại                | 와              | 보다 → 봐요      |
| ㅣ + 어 gộp lại                | 여              | 마시다 → 마셔요    |
| ㅡ bị lược bỏ                 | -어요            | 쓰다 → 써요      |
| 이다                           | 이에요 / 예요       | 학생이에요 / 친구예요 |

Khi nào dùng

Đây là mức lịch sự thường ngày, dùng với người lạ, đồng nghiệp, người bán hàng và bất kỳ ai bạn không thân. Nó diễn tả thì hiện tại và, trong hội thoại, cả tương lai gần: 내일 가요 nghĩa là “Mai tôi đi.”

Cách chọn rất máy móc. Hãy nhìn nguyên âm cuối của gốc từ. Nếu đó là ㅏ hoặc ㅑ, thêm 아요. Mọi trường hợp khác dùng 어요. Động từ 하다 là ngoại lệ duy nhất và trở thành 해요 — vì rất nhiều động từ tiếng Hàn kết thúc bằng 하다, nên chỉ một dạng này đã đảm nhận rất nhiều việc.

Rồi đến bước gộp âm, và đây là chỗ người học hay bị vấp. 가 + 아요 không giữ nguyên là 가아요; hai nguyên âm giống nhau gộp thành 가요. 보 + 아요 thành 봐요, 마시 + 어요 thành 마셔요. Các quy tắc đều có quy luật, nhưng bạn sẽ thấm nhanh hơn nếu đọc to lên thay vì học thuộc bảng.

Ví dụ trong câu

- 1

저는 매일 한국어를 공부해요.  
Ngày nào tôi cũng học tiếng Hàn.
- 2

이 커피 정말 맛있어요.  
Cà phê này ngon thật.
- 3

어디에 가요?  
Bạn đi đâu vậy?
- 4

같이 점심 먹어요.  
Cùng ăn trưa nhé.
- 5

여기 앉아요.  
Mời ngồi ở đây.
- 6

날씨가 좋아서 기분이 좋아요.  
Thời tiết đẹp nên tâm trạng tôi tốt.

So sánh với

**-ㅂ니다/습니다**  
Cả hai đều lịch sự, nhưng -ㅂ니다 là trang trọng: thông báo, thuyết trình, bản tin, quân đội. -아요/어요 thân mật hơn và là dạng bạn cần trong hầu hết các cuộc hội thoại.  
갑니다. (báo cáo trang trọng) / 가요. (lịch sự thường ngày)

**-아/어 (반말)**  
Bỏ 요 đi là thành lối nói thân mật, dùng với bạn thân và người rõ ràng nhỏ tuổi hơn. Thêm hay bớt đúng một âm tiết đó là toàn bộ sự khác biệt.  
어디 가요? (lịch sự) / 어디 가? (thân mật)

**Nghĩa tương lai**  
Tiếng Hàn không cần thì tương lai cho những việc đã lên kế hoạch. -아요/어요 cùng một từ chỉ thời gian là đủ; -(으)ㄹ 거예요 thêm ý định hoặc phỏng đoán.  
내일 가요. (Mai tôi đi) / 내일 갈 거예요. (Tôi định mai sẽ đi)

Lưu ý

- ✗ 저는 학교에 가아요.

○ 저는 학교에 가요.

Khí gốc từ đã kết thúc bằng ㅏ, ㅑ của đuôi sẽ hòa vào đó. Tương tự với 샤다 → 샤요 và 만나다 → 만나요.
- ✗ 한국어를 공부하어요.

○ 한국어를 공부해요.

하다 không bao giờ nhận -아요 hay -어요 theo cách thông thường. Nó trở thành 해요, và mọi từ ghép với 하다 đều theo: 일해요, 사랑해요, 운동해요.
- ✗ 저는 빵을 먹아요.

○ 저는 빵을 먹어요.

Gốc từ 먹 có nguyên âm cuối là ㅣ, không phải ㅏ hay ㅑ, nên dùng -어요. Hãy xem nguyên âm, không phải phụ âm.